**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I - LỚP 10**

**Năm học: 2024-2025**

**MÔN: NGỮ VĂN**

**A. CÁC CẤP ĐỘ KIẾN THỨC**

**1. THỂ LOẠI THẦN THOẠI**

**Nhận biết:**

- Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.

- Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.

- Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.

- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.

**Thông hiểu:**

- Tóm tắt được cốt truyện.

- Hiểu vàphân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.

- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại.

- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.

**Vận dụng**:

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.

**Vận dụng cao**:

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.

- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.

**2. THỂ LOẠI TRUYỆN**

**Nhận biết**

**-** Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.

- Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu trong truyện.

- Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, câu chuyện trong truyện.

- Chỉ ra được nghệ thuật xây dựng nhân vật.

**Thông hiểu**

- Tóm tắt được cốt truyện và lí giải được ý nghĩa, tác dụng của cốt truyện.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện.

- Phân tích, đánh giá được đặc điểm của nhân vật và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

- Phân tích, lí giải được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

**Vận dụng**

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.

**Vận dụng cao:**

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.

- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.

**3.THƠ TRỮ TÌNH**

**Nhận biết:**

- Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ.

- Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.

- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ

- Nhận biết được nhịp điệu, giọng điệu trong bài thơ.

**Thông hiểu:**

- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.

- Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.

- Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

**Vận dụng:**

- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra.

**Vận dụng cao:**

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ.

- Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.

**4. KỊCH BẢN TUỒNG, CHÈO**

**Nhận biết:**

- Nhận biết được đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo.

- Nhận biết được lời chỉ dẫn sân khấu, lời thoại và hành động của nhân vật tuồng, chèo.

- Nhận biết được nhân vật, tuyến nhân vật và cốt truyện trong kịch bản tuồng, chèo.

**Thông hiểu:**

- Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo.

- Phân tích, lí giải được tác dụng của cốt truyện, ngôn ngữ, hành động của nhân vật, diễn biến của câu chuyện trong kịch bản tuồng, chèo.

- Phân tích được đặc điểm của nhân vật tuồng, chèo và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

- Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ vở tuồng / chèo.

**Vận dụng:**

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do vở tuồng / chèo gợi ra.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân về con người, cuộc sống.

**Vận dụng cao:**

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm.

- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.

**5. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**Nhận biết:**

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

- Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

- Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.

- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa thể hiện trong văn bản.

**Thông hiểu:**

- Xác định được được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản.

- Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết.

- Phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.

**Vận dụng**:

- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.

- Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả.

**Vận dụng cao:**

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hóa để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.

- Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

**B. KĨ NĂNG**

**I/ KĨ NĂNG LÀM ĐỌC HIỂU**

1/ Nhận diện được các cấp độ kiến thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng.

2/ Trả lời ngắn gọn, trọng tâm các câu hỏi tự luận (câu 1 đến câu 5).

3/ Thể loại Thơ, Truyện (truyền kì, truyện ngắn).

**II/ KĨ NĂNG VIẾT**

1. **Viết đoạn văn**

Viết đoạn văn ngắn bàn bạc, đánh giá, hiểu về một đặc điểm của thể loại Thơ, Truyện, được gợi ra từ văn bản đọc hiểu.

*Gợi ý*

* Nêu vấn đề.
* Trình bày hiểu biết về vấn đề, phân tích, cảm nhận…
* Đánh giá, rút ra ý nghĩa, giá trị.

1. **Viết bài văn**

Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

**2.1 Yêu cầu**

**-** Xác định được đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.

- Nêu được thói quen hay quan niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ.

- Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quan / quan niệm), đối tượng nghị luận (người / những người mang thói quen / quan niệm mang tính tiêu cực).

- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Mô tả, lí giải được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen, quan niệm.

- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.

- Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

**2.2 Cấu trúc**

**Mở bài***:* Nêu thói quen hay quan niệm mà người viết chuần bị thuyết phục người khác từ bỏ (có thề gợi ra bối cảnh của việc thuyết phục và xác định vị thế phát ngôn của người viết).

**Thân bài:**

- Biểu hiện của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.

- Lí do nên từ bỏ thói quen hay quan niệm đó.

- Cách từ bỏ và các bước từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp.

- Dự đoán sự đồng tỉnh, ủng hộ của những người xung quanh khỉ người được thuyết phục từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp.

**Kết bài***:* nêu ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen hay quan niệm đã được đề cập.

**C. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA: 100% tự luận**

**I/ ĐỌC-HIỂU (4,0 điểm)**

**Ngữ liệu**

Các văn bản/ đoạn trích thuộc thể loại Thơ, Truyện (truyền kì, truyện ngắn)

**Các cấp độ kiến thức**

* Nhận biết: Câu 1-2 (1,0 điểm)
* Hiểu: Câu 3- 4 (2,0 điểm)
* Vận dụng: Câu 5 (1,0 điểm)

**II. VIẾT (6,0 điểm)**

**1.** (2.0 điểm) **Viết đoạn văn** (khoảng 100 chữ), trình bày hiểu biết, nhận thức về một vấn đề nào đó được gợi ra từ phần đọc - hiểu.

**2.** (4.0 điểm) **Viết một bài luận** (khoảng 600 chữ) Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

------------------Hết-----------------